THUẾ ĐỐI ỨNG CỦA MỸ TÁC ĐỘNG ĐA CHIỀU ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

TS. Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nghiên cứu này phân tích toàn diện các tác động đa chiều của chính sách thuế đối ứng do Hoa Kỳ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu ngày càng gia tăng và xu hướng bảo hộ mậu dịch quay trở lại. Phân tích cho thấy các ngành xuất khẩu chủ lực đang đối mặt với nguy cơ gia tăng chi phí, mất thị phần và giảm khả năng cạnh tranh. Bên cạnh đó, thuế đối ứng còn tác động tiêu cực đến tăng trưởng GDP, cán cân thương mại, sự ổn định của chuỗi cung ứng, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cũng như việc làm và thu nhập của người lao động trong các ngành thâm dụng lao động. Nhận diện thách thức đó, nghiên cứu một số giải pháp chiến lược nhằm giảm thiểu rủi ro và tận dụng cơ hội chuyển đổi. Qua đó, Việt Nam không chỉ ứng phó hiệu quả với các rào cản thương mại mới mà còn có thể nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

• Từ khóa: *thuế đối ứng, hàng hóa xuất khẩu, Việt Nam, Hoa Kỳ.*

This research offers a comprehensive analysis of the multidimensional impacts of the reciprocal tariff measures imposed by the United States on Vietnamese export commodities, in the context of intensifying global trade tensions and the reemergence of protectionist policies. The analysis reveals that Vietnam's key export sectors are facing heightened risks, including rising production costs, loss of market share, and declining competitiveness. In addition, reciprocal tariffs exert adverse effects on GDP growth, trade balance, supply chain stability, inflows of foreign direct investment (FDI), as well as employment and income levels in labor-intensive industries. Recognizing these challenges, the study proposes a set of strategic solutions aimed at mitigating risks and leveraging opportunities for structural transformation. Through such measures, Vietnam can not only respond effectively to emerging trade barriers but also enhance its position within the global value chain.

• Key words: *reciprocal tariff, export commodities, Vietnam, the United States*

JEL codes: E66, F51, F62

Ngày nhận bài: 10/7/2025
Ngày gửi phản biện: 20/11/2025
Ngày duyệt bài: 31/12/2025

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i304.03

1. Giới thiệu

Kể từ năm 2023, thương mại toàn cầu chuyển hướng sang bảo hộ với các biện pháp thuế quan và gia tăng phòng vệ. Trong bối cảnh đó, xu hướng tái cấu trúc chuỗi giá trị dựa trên các liên minh kinh tế - chính trị thân thiện như "friend-shoring" (chuyển chuỗi cung ứng về các quốc gia đồng minh) và "near-shoring" (dịch chuyển gần thị trường tiêu thụ) ngày càng trở nên phổ biến, làm thay đổi sâu sắc dòng chảy thương mại quốc tế. Hoa Kỳ, trong giai đoạn 2024 - 2025, đã áp dụng thuế đối ứng mạnh mẽ đối với nhiều đối tác, trong đó có các nước Đông Nam Á, dựa trên Đạo luật Quyền lực Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA). Chính sách thuế mới đã làm thay đổi cục diện thương mại song phương và đặt ra loạt thách thức nghiêm trọng đối với các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu, trong đó có Việt Nam. Điều này phản ánh rõ rệt xu thế bảo hộ thương mại có hệ thống, được triển khai trong khuôn khổ tuyên bố tình trạng khẩn cấp quốc gia liên quan đến "thâm hụt thương mại lớn và dai dẳng" của Hoa Kỳ.

Đối với Việt Nam, các doanh nghiệp không chỉ đối mặt với việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe, chịu chi phí tuân thủ gia tăng, làm giảm biên lợi nhuận, ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh về giá, mà còn đặt ra rủi ro bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nếu thiếu minh bạch về chuỗi cung ứng và xuất xứ. Tuy nhiên, các tác động đa chiều của thuế đối ứng đối với kinh tế - xã hội Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu toàn diện. Nghiên cứu này nhằm lấp đầy khoảng trống đó bằng cách phân tích tác động của chính sách thuế mới và đề xuất giải pháp ứng phó, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam thích ứng hiệu quả.

2. Một số vấn đề lí luận về thuế quan

Khái niệm thuế đối ứng (Reciprocal Tariff)

Theo GATT nguyên tắc có đi có lại (reciprocity) là các chính phủ tìm kiếm sự cân bằng trong nhượng bộ và khi phải rút lại một nhượng bộ thương mại, đối tác thương mại của họ được phép rút lại một sự nhượng bộ tương đương đáng kể. Như vậy, thuế đối ứng là chính sách hoặc nguyên tắc trong thương mại quốc tế, theo đó một quốc gia sẽ giảm hoặc duy trì mức thuế quan của mình đối với

** Trường đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; email: vanntt@hcmute.edu.vn*

hàng hóa nhập khẩu từ một quốc gia khác với điều kiện quốc gia kia cũng thực hiện hành động tương tự đối với hàng hóa của mình. Nói cách khác, đây là một hình thức đàm phán thương mại mà ở đó các bên đồng ý cân bằng các mức thuế quan hoặc các rào cản thương mại khác để đạt được sự công bằng và lợi ích chung.

Quan điểm về thuế đối ứng

Thuế đối ứng một công cụ chính sách thương mại gây tranh cãi gay gắt trong giới kinh tế học. T*rường phái* Kinh tế học Tân cổ điển kiên quyết phản đối, xem đây là rào cản làm bóp méo thị trường, gây ra tổn thất phúc lợi và nguy cơ leo thang chiến tranh thương mại (Krugman và cộng sự, 2018), Kinh tế học Thể chế lại nhấn mạnh vai trò của các khuôn khổ pháp lý như WTO. Họ cảnh báo rằng việc áp dụng đơn phương thuế đối ứng có thể làm suy yếu các thể chế này, gia tăng chi phí giao dịch và sự bất ổn trong thương mại quốc tế (North, 1990). Ngược lại, Kinh tế học Chính trị thường xem thuế đối ứng như một công cụ quyền lực trong đàm phán, phản ánh áp lực từ các nhóm lợi ích trong nước hoặc một phần của chiến lược chính trị lớn hơn (Putnam, 1988). Kinh tế học Phát triển lại đặc biệt lo ngại về rủi ro cho các nền kinh tế nhỏ và đang phát triển, vốn có năng lực đàm phán yếu và dễ bị tổn thương bởi các cú sốc từ cuộc chiến thuế quan (Chang, 2002). Rõ ràng, thuế đối ứng không chỉ là một vấn đề kinh tế thuần túy mà còn là một bài toán phức tạp đan xen chính trị và thể chế.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Cục Thống kê - Bộ Tài chính, UNI Customs Consulting, Luatnguyen group.

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá, phân tích, tổng hợp để tổng quan tài liệu nghiên cứu làm nền tảng xây dựng cơ sở lý thuyết về thuế đối ứng. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng trong bài nghiên cứu để mô tả tác động của thuế đối ứng Hoa Kỳ đến kinh tế, xã hội Việt Nam.

4. Phân tích thuế đối ứng và tác động đến kinh tế, xã hội của Việt Nam

4.1. Thỏa thuận thuế đối ứng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

Ngày 02/7/2025, sau cuộc điện đàm giữa Tổng Bí thư Tô Lâm và Tổng thống Hoa Kỳ Donald J. Trump nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh Hoa Kỳ, hai bên đã đạt được bước tiến quan trọng trong quá trình đàm phán thương mại song phương. Theo đó, Chính phủ Hoa Kỳ đồng ý điều chỉnh mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất xứ từ Việt Nam từ mức đề xuất ban đầu 46% xuống còn 20%. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09/7/2025 và được xem là kết quả mang tính cân bằng lợi ích giữa hai bên trong bối cảnh căng thẳng thương mại và áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng.

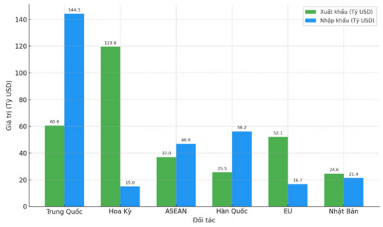
Mức thuế 20% mà Hoa Kỳ áp dụng gồm thuế MFN cơ bản (5-15%) cộng thêm khoảng 10% bổ sung, bao phủ hầu hết các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, gỗ, nông sản, thủy sản, điện tử và máy móc. Đối với các mặt hàng bị nghi ngờ có yếu tố trung chuyển - điển hình là các sản phẩm sử dụng linh kiện hoặc nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc nhưng được hoàn thiện và tái xuất dưới nhãn "Made in Vietnam" - mức thuế có thể bị nâng lên đến 40%, kèm theo nguy cơ bị truy thu hoặc áp dụng biện pháp điều tra bổ sung. Ngược lại, hàng hóa chứng minh được xuất xứ hoàn toàn nội địa và tuân thủ quy tắc giá trị gia tăng có thể được hưởng mức 10% hoặc miễn thuế. Để đạt được ưu đãi này, doanh nghiệp cần hồ sơ C/O minh bạch, chuỗi cung ứng rõ ràng và tuân thủ chặt chẽ quy định hải quan song phương.

4.2. Tác động của thuế đối ứng đến kinh tế, xã hội của Việt Nam

4.2.1. Tác động đến tăng trưởng kinh tế và cán cân thương mại

Với đặc trưng là nền kinh tế có độ mở cao, định hướng vào xuất khẩu, Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài để duy trì đà tăng trưởng. Năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam 786,29 tỷ USD tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD (Cục Thống kê, 2025).

Hình 1: Giá trị xuất, nhập khẩu trên các thị trường chủ yếu của Việt Nam năm 2024



Nguồn: Cục Thống kê, 2025

Hình 1 cho thấy, Hoa Kỳ tiếp tục giữ vị trí là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm hơn 29% tổng kim ngạch xuất khẩu. Vì vậy, mọi thay đổi trong chính sách thương mại và thuế quan từ phía Hoa Kỳ đều có tác động lan tỏa mạnh đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Theo tính toán của Cục Thống kê, mức thuế đối ứng sẽ có thể làm giảm 11-12 tỷ USD trị giá hàng xuất khẩu vào Hoa Kỳ, giảm khoảng 9-10% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng trưởng GDP có thể giảm từ 0,7 đến 0,8 điểm phần trăm. Đây là hệ quả của một số doanh nghiệp buộc phải điều chỉnh giá bán, cơ cấu lại hợp đồng thương mại hoặc tìm kiếm thị trường thay thế. Những ngành có biên lợi nhuận thấp, phụ thuộc cao vào thị trường Hoa Kỳ và khó chuyển hướng chuỗi cung ứng, như dệt may, da giày, đồ gỗ nội thất và điện tử tiêu dùng, sẽ chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất.

4.2.2. Tác động đến doanh nghiệp xuất khẩu và chuỗi cung ứng

Việc áp dụng mức thuế đối ứng 20% không chỉ là vấn đề thuế suất đơn thuần, mà còn kéo theo hàng loạt

yêu cầu khắt khe liên quan đến xuất xứ hàng hóa, minh bạch chuỗi cung ứng và tỷ lệ nội địa hóa. Điều này tạo ra áp lực kép cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam: vừa phải điều chỉnh giá bán để duy trì đơn hàng trong bối cảnh chi phí gia tăng, vừa phải đầu tư nâng cấp quy trình sản xuất, kiểm soát nguyên liệu và hoàn thiện hồ sơ pháp lý nhằm chứng minh xuất xứ hợp lệ. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt là những đơn vị đã thiết lập chuỗi cung ứng tích hợp, có khả năng điều chỉnh linh hoạt hơn. Ngược lại, khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tới 98% tổng số doanh nghiệp trong nước sẽ gặp khó khăn lớn trong việc đáp ứng đồng thời các yêu cầu về giá cả, tiêu chuẩn kỹ thuật và minh bạch hồ sơ xuất khẩu. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu, linh kiện có nguồn gốc từ Trung Quốc, nguy cơ bị kiểm tra chặt chẽ hơn về hành vi trung chuyển hoặc gian lận xuất xứ là rất lớn.

Về chuỗi cung ứng, mức thuế cao từ Hoa Kỳ có thể dẫn tới rủi ro đứt gãy một phần chuỗi giá trị mà Việt Nam đang tham gia, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, chế biến gỗ và thiết bị tiêu dùng.

4.2.3. Tác động đến các ngành xuất khẩu chủ lực

Sự thay đổi trong cách áp thuế của Hoa Kỳ dự đoán các ngành xuất khẩu chủ lực sẽ chịu sức ép lớn trong thời gian tới.

Ngành dệt may và da giày, là ngành chủ yếu tham gia vào khâu gia công cắt may mà chưa phát triển được một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc. Điều này làm giảm rõ rệt sức cạnh tranh về giá so với các quốc gia có chi phí sản xuất thấp hơn như Bangladesh, Mexico hoặc Ấn Độ. Các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ có thể sẽ xem xét lại đơn hàng, phân tán rủi ro bằng cách chuyển sang các thị trường thay thế, từ đó làm gia tăng áp lực tiêu thụ trong nước hoặc buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh mô hình sản xuất.

Đối với ngành gỗ và nội thất sẽ buộc doanh nghiệp phải đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, đầu tư vào tự động hóa và nâng cao tỷ lệ sản phẩm hoàn thiện trong nước. Đồng thời, các doanh nghiệp trong ngành cũng cần chú trọng chứng minh xuất xứ hợp pháp của nguyên liệu gỗ, để tránh bị điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại bổ sung từ phía Hoa Kỳ.

Ngành nông sản và thủy sản chịu ảnh hưởng rõ rệt do đặc điểm nhạy cảm với giá và rào cản kỹ thuật. Đặc biệt, nhóm sản phẩm như cá tra và tôm vốn đã từng nhiều lần bị Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá, sẽ phải đối mặt với nguy cơ gia tăng chi phí pháp lý và bị siết chặt điều kiện xuất khẩu. Nếu không nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng truy xuất nguồn gốc, nguy cơ mất thị phần là điều khó tránh khỏi.

Ngành điện tử và thiết bị điện gia dụng là ngành này lại phụ thuộc đáng kể vào nguồn linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc. Điều này đặt doanh nghiệp trước nguy cơ bị đánh giá là "trung chuyển" hoặc "đội lốt xuất xứ", dẫn đến rủi ro bị truy thu thuế, mất ưu đãi hoặc thậm chí bị loại khỏi chuỗi cung ứng của các tập đoàn toàn cầu. Việc củng cố tỷ lệ nội địa hóa và minh bạch chuỗi cung ứng trở thành yêu cầu bắt buộc để duy trì thị trường xuất khẩu.

Bảng 1: Mức thuế Hoa Kỳ áp dụng với các mặt hàng Việt Nam

Nhóm ngành	Trước 04/2025	Áp dụng từ 09/4/2025 đến 01/8/2025			Sau 01/8/2025
	Thuế cơ bản MFN	*Thuế cơ bản MFN*	*Thuế bổ sung*	*Tổng khung*	*Tổng thuế*
Dệt may, giày dép (Quần áo, vải, giày thể thao, giày da, giày vải ...)	10-15%	10-15%	+10%	20-25%	20%
Gỗ & nội thất (bàn, ghế, tủ, đồ gỗ trang trí...)	10-15%	10-15%	+10%	20-25%	20%
Nông sản, trái cây (xoài, thanh long, chôm chôm, nước ép trái cây...)	5-10%	5-10%	+10%	15-20%	20%
Thủy sản (tôm, cá tra, mực, nghêu...)	5-10%	5-10%	+10%	15-20%	20%
Điện tử, linh kiện (tai nghe, bộ sạc, bếp điện, nồi cơm điện...)	0-5%	0-5%	+10%	10-15%	20%
Máy móc, phụ tùng cơ khí	5-10%	5-10%	+10%	15-20%	20%
Trung chuyển (nước khác)	-	-	-	-	40%
Xuất xứ 100% Việt Nam	-	-	-	-	10% hoặc miễn thuế nếu đáp ứng "giấy xuất xứ"

Nguồn: https://luatnguyen.vn/

4.2.4. Tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chính sách thuế mới từ phía Hoa Kỳ làm gia tăng mức độ rủi ro chính sách đối với các doanh nghiệp có chiến lược "Việt Nam+1" - tức đặt nhà máy tại Việt Nam để phục vụ xuất khẩu đi Mỹ thay vì tại Trung Quốc. Sự thay đổi bất ngờ về thuế quan khiến niềm tin của nhà đầu tư bị lung lay, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang cạnh tranh gay gắt với các quốc gia trong khu vực để thu hút dòng vốn chuyển dịch sau đại dịch. Theo khảo sát tháng 6/2025 của PwC Việt Nam cho thấy 86% doanh nghiệp được hỏi bày tỏ quan ngại về các chính sách thuế mới, và 44% đã bắt đầu tái cấu trúc chi phí, chuyển địa điểm hoặc phân tán sản xuất sang các nước khác. Điều này, dự báo góc độ tiêu cực nhất là giảm triển vọng thu hút FDI từ 6% đến 8% nếu không có giải pháp chính sách kịp thời và hiệu quả từ Chính phủ.

4.2.5. Tác động gián tiếp đến việc làm và thu nhập

Đối với các ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày dép, chế biến gỗ - vốn đang chịu áp lực lớn từ biến động đơn hàng - có nguy cơ phải cắt giảm sản lượng trong ngắn hạn, kéo theo nguy cơ giảm việc làm và thu nhập của hàng triệu lao động. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến đời sống người lao động mà còn tác động đến an sinh xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô.

5. Kết luận và đề xuất giải pháp

Việc Hoa Kỳ chính thức áp dụng mức thuế đối ứng 20% đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, đặt ra hàng loạt thách thức đối với Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm bước ngoặt để khẳng định quyết tâm cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian chính sách thương mại và nâng tầm vị thế của Việt Nam như một nền kinh tế thị trường đang phát triển năng động, hội nhập sâu rộng và đóng góp có

trách nhiệm vào chuỗi giá trị toàn cầu. Những giải pháp được đề xuất như sau:

Cải cách thể chế kinh tế thị trường và chuẩn mực pháp lý

Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế theo hướng minh bạch, ổn định và cạnh tranh lành mạnh. Trọng tâm là hoàn thiện khung pháp lý bảo đảm phân bổ nguồn lực dựa trên tín hiệu thị trường, hạn chế sự can thiệp hành chính trong điều hành kinh tế, đồng thời đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Quá trình cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước cần được đẩy nhanh với trọng tâm là thoái vốn khỏi các lĩnh vực không thiết yếu, minh bạch hóa hoạt động tài chính, quản trị và chấm dứt các cơ chế ưu đãi đặc thù gây méo mó cạnh tranh. Đây là bước đi then chốt để củng cố niềm tin của các đối tác thương mại quốc tế, đặc biệt là trong tiến trình đàm phán công nhận nền kinh tế thị trường với Hoa Kỳ.

Giải pháp về chính sách tài khóa, thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp

Trong bối cảnh thuế quan gia tăng làm gia tăng chi phí và giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, cần sớm rà soát và điều chỉnh các chính sách thuế nội địa theo hướng linh hoạt, hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp. Đặc biệt, cần ưu tiên các chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn nộp thuế và giảm thuế nhập khẩu đầu vào đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong các lĩnh vực nhạy cảm như dệt may, gỗ, thủy sản.

Cùng với đó, việc mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả của các chương trình tín dụng ưu đãi là yêu cầu cấp thiết, giúp doanh nghiệp có nguồn lực tài chính để tái cơ cấu chuỗi cung ứng, đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chí xuất xứ nội địa. Những khoản vay ưu đãi cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, đi kèm hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ tư vấn về cải cách quy trình sản xuất.

Song song, cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đặc biệt tại các khu vực tiềm năng như châu Âu, Nam Á, Trung Đông và châu Phi. Việc giảm phụ thuộc quá mức vào một thị trường đơn lẻ như Hoa Kỳ không chỉ giúp phân tán rủi ro mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các tiêu chuẩn cao hơn, nâng tầm sản phẩm và thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Tăng cường năng lực phòng vệ thương mại và nâng cao giá trị nội địa hóa

Trước xu hướng gia tăng các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp nhắm vào hàng hóa Việt Nam, việc thành lập và nâng cao năng lực cho một cơ quan đầu mối quốc gia chuyên trách về phòng vệ thương mại là hết sức cần thiết. Cơ quan này cần được trao đủ thẩm quyền và nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thu thập bằng chứng, phân tích số liệu và tham gia đàm phán trong các vụ tranh chấp thương mại quốc tế. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và cung cấp hướng dẫn pháp lý kịp thời cho cộng đồng doanh nghiệp.

Mặt khác, để giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và tăng khả năng đáp ứng tiêu chí xuất xứ, cần triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất, tập trung vào các ngành như điện tử, thiết bị gia dụng, linh kiện cơ khí và công nghiệp hỗ trợ. Chính sách này không chỉ giúp doanh nghiệp hưởng mức thuế ưu đãi mà còn góp phần hình thành nền công nghiệp quốc gia có tính tự chủ cao hơn.

Đồng thời, cần thúc đẩy mạnh mẽ liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước nhằm hình thành các chuỗi cung ứng nội địa bền vững. Việc chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn quản lý và thông lệ quốc tế từ khu vực FDI sang khu vực doanh nghiệp trong nước là điều kiện then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh các yêu cầu kỹ thuật, môi trường và minh bạch thương mại ngày càng khắt khe từ phía thị trường nhập khẩu.

Phát triển chuỗi cung ứng nội địa và chuyển dịch cơ cấu sản xuất

Nhằm nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chí xuất xứ và giảm sự phụ thuộc vào linh kiện, nguyên vật liệu nhập khẩu từ các thị trường có rủi ro cao, cần khuyến khích doanh nghiệp dịch chuyển từ mô hình sản xuất gia công đơn thuần sang các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn, như thiết kế, phát triển sản phẩm, kiểm soát chất lượng và xây dựng thương hiệu.

Đồng thời, cần hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp hỗ trợ chuyên ngành gắn với các lĩnh vực có thế mạnh xuất khẩu như dệt may - da giày, gỗ nội thất, linh kiện điện tử. Các cụm này không chỉ đóng vai trò là trung tâm cung ứng nguyên liệu và dịch vụ kỹ thuật mà còn là hạt nhân để hình thành mạng lưới doanh nghiệp vừa và nhỏ có năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, đầu tư vào hạ tầng logistics và thương mại điện tử cần được đẩy mạnh, nhằm giảm chi phí giao dịch, cải thiện tốc độ vận chuyển và tăng tính kết nối giữa nhà sản xuất và thị trường. Đặc biệt, các chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuỗi cung ứng sẽ là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Tài liệu tham khảo:

Chang, H.-J. (2002). Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective. Anthem Press.

Krugman, P. R., Obstfeld, M., & Melitz, M. J. (2018). International Economics: Theory & Policy (11th ed.). Pearson Education Limited.

North, D. C. (1990). Institutions, institutional change and economic performance. Cambridge University Press.

Putnam, R. D. (1988). Diplomacy and Domestic Politics: The Logic of Two-Level Games. International Organization, 42(3), 427-460.

Luatnguyen.vn (2025). Mức thuế Mỹ mới nhất đối với hàng hóa Việt Nam [truy cập tại: https://luatnguyen.vn/thue-ke-toan/nong-sau-ngay-2-7-2025-thue-my-giam-con-10-cho-hang-viet-nam-100-noi-dia-191.html]

Báo Đầu tư (2025). Thuế đối ứng tác động thế nào tới tăng trưởng GDP? [truy cập tại: https://baodautu.vn/thue-doi-ung-tac-dong-the-nao-toi-tang-truong-gdp-d350142.html]